TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 75/2025/HS-PT
Ngày 23-5-2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Quang Kiên.

Các Thẩm phán: Ông Phạm Hữu Trường;

Ông Bùi Duy Thạch.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Quang Bảo - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tham gia phiên toà: Bà Phạm Thị Mỹ Hằng và bà Đoàn Thị Quỳnh T - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 15/2025/TLPT-HS, ngày 04 tháng 02 năm 2025, đối với bị cáo Phạm Thị Thu T1 cùng các đồng phạm; do có kháng cáo của các bị cáo: Phạm Thị Thu T1, Phạm Văn B, Đào Duy Q, Nguyễn Văn M, Trần Hoa N và Đỗ Duy Trung K; đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 244/2024/HS-ST, ngày 26 tháng 12 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện An Dương (nay là quận A), thành phố Hải Phòng.

- Các Bị cáo có kháng cáo:

1. Phạm Thị Thu T1, sinh ngày 11/12/1987 tại Hải Phòng; ĐKNKTT: Số D, Tôn Đức T2, phường A, quận L, thành phố Hải Phòng; chỗ ở: Số G T, phường A, quận L, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Trọng T3 và bà Nguyễn Thị Bạch Y; chưa có chồng, con; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ từ ngày 11/4/2024, tạm giam từ ngày 19/4/2024; có mặt.

2. Phạm Văn B, sinh ngày 02/5/1990 tại Hải Phòng; nơi cư trú: Số E N, phường N, quận L, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn H và bà Đỗ Thị V; có vợ là Trần Thị Hương G, có hai con: Con lớn sinh năm 2014, con nhỏ sinh năm 2021; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Bản án số 27/HSST ngày 01/4/2015 Toà án nhân dân quận Ngô Quyền xử phạt 04 năm tù về tội Cố ý gây thương tích; bị tạm giam từ ngày 03/5/2024; có mặt.

3. Đào Duy Q, sinh ngày 11/12/1990 tại Hải Phòng; nơi cư trú: Số A, đường D, phường D, quận L, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ

văn hóa: Lớp 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đào Nhật T4 (đã chết) và bà Lưu Thị Đ; có vợ là Vũ Ngọc A; chưa có con; tiền án: Bản án số 136/HSST ngày 30/8/2016 Toà án nhân dân quận Lê Chân xử phạt 10 năm tù về tội Cướp tài sản; tiền sự: Không; nhân thân: Bản án số 181/HSST ngày 03/9/2008 Toà án nhân dân quận Lê Chân xử phạt 24 tháng tù về tội Gây rối trật tự công cộng; bị tạm giam từ ngày 03/5/2024; có mặt.

4. Nguyễn Văn M, sinh ngày 08/02/1960 tại Hải Phòng; nơi cư trú: Số A, đường T, phường A, quận L, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn C và bà Trần Thị M1 (đều đã chết); có vợ là Phạm Thị N1, có 02 con: Con lớn sinh năm 1985, con nhỏ sinh năm 1991; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ từ ngày 11/4/2024, tạm giam từ ngày 19/4/2024; có mặt.

5. Trần Hoa N, sinh ngày 20/02/1993 tại Hải Phòng; nơi cư trú: Số B, đường T, phường A, quận L, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con bà Trần Thị L; chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ từ ngày 11/4/2024, tạm giam từ ngày 19/4/2024; có mặt.

6. Đỗ Duy Trung K, sinh ngày 02/8/1988 tại Hải Phòng; nơi cư trú: Số B, đường T, phường L, quận L, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đỗ Duy C1 và bà Phạm Thị Thanh T5; có vợ là Nguyễn Thị Nhật A1, sinh năm 1996 (đã ly hôn), có hai con: Con lớn sinh năm 2017, con nhỏ sinh năm 2019; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ từ ngày 11/4/2024, tạm giam từ ngày 19/4/2024; có mặt.

Các bị cáo không có kháng cáo: Trần Quốc V1 và Phan Hoàng Đ1.

Người tham gia tố tụng khác:

- *Người bào chữa cho cả 06 bị cáo*: Ông Bùi Chiến T6 và ông Trịnh Văn N2 - Luật sư Công ty L2 - Đoàn luật sư thành phố H; đều vắng mặt.

- *Người bào chữa cho các bị cáo Phạm Thị Thu T1, Phạm Văn B và Đào Duy Q*: Ông Nguyễn Tuấn A2 và ông Nguyễn Kim T7 - Luật sư Công ty L3 và Cộng sự - Đoàn luật sư thành phố H; đều có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo Phạm Thị Thu T1*: Ông Vũ Quang Đ2 và ông Hoàng Văn D - Luật sư Văn phòng L4 - Đoàn luật sư thành phố H; đều có mặt.

- *Nguyên đơn dân sự:* Ban quản lý dự án Đầu tư xây dựng huyện A (nay là Trung tâm Phát triển quỹ đất và Quản lý dự án quận A); địa chỉ: Thị trấn A, huyện A, thành phố Hải Phòng; người đại diện theo pháp luật: Ông Đỗ Khắc H1 - Giám đốc; vắng mặt (đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

- *Người làm chứng*: Anh Phạm Việt H2, vắng mặt; anh Nguyễn Đức A3, anh Vũ Văn C2 và anh Phạm Văn L1; đều có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 01/7/2022 Ủy ban nhân dân (sau đây viết tắt là UBND) thành phố Hải Phòng ban hành Quyết định số 2112/QĐ-UBND về việc thu hồi 24.454,9m^2 đất cho Dự án đầu tư xây dựng nút giao khác mức tại ngã tư đường T - Máng nước - Quốc lộ E, thuộc xã A, huyện A; trong đó thu hồi 97m^2/130,3m^2 đất tại thửa đất số 07 và 08, tờ bản đồ số 15 xã A của hộ Phạm Thị Thu T1. Ngày 04/01/2024 UBND huyện A ra Quyết định số 10/QĐ-UBND về việc cưỡng chế thu hồi 97m^2 của hộ Phạm Thị Thu T1. Thực hiện sự chỉ đạo của UBND thành phố H, UBND huyện A đã thành lập Ban thực hiện cưỡng chế thu hồi đất, xây dựng phương án tổ chức cưỡng chế, giao cho Ban quản lý dự án tổ chức lực lượng bảo vệ chống tái lấn chiếm diện tích cưỡng chế. Ban quản lý dự án đã ký hợp đồng với Công ty TNHH T13 để thi công tường tôn bảo vệ diện tích đất cưỡng chế, chống tái lấn chiếm. Thời gian thực hiện tổ chức cưỡng chế vào ngày 11/4/2024.

Do không đồng ý với việc cưỡng chế của UBND huyện A, Phạm Thị Thu T1 đã rủ Phạm Việt H2, Nguyễn Văn M đến khu vực cưỡng chế để quay video clip đăng lên mạng xã hội Facebook để phản đối việc cưỡng chế, thu hồi diện tích đất của mình. Sáng ngày 11/4/2024 Phạm Văn B đã nhắn tin vào nhóm Chat Facebook "Full House" (đã lập trước đó có sự tham gia của các bị cáo và nhiều người quen của T1) hẹn các cả nhóm tập trung tại khu đất bị cưỡng chế của T1. Khoảng 08 giờ cùng ngày, Phạm Thị Thu T1, Phạm Việt H2, Nguyễn Văn M cùng Phạm Văn B, Phan Hoàng Đ1, Đào Duy Q, Trần Quốc V1, Tô Minh T8, Nguyễn Đức A3, Phạm Văn L1, Nguyễn Đức T9 và một số người nam giới khác (chưa rõ lai lịch) tập trung tại quán nước ở đường T rồi cùng nhau đi đến khu vực đất bị cưỡng chế. Đến nơi, thấy có các cơ quan chức năng, lực lượng đang thi hành cưỡng chế và Công an bảo vệ xung quanh, không được phép đi vào nên nhóm của T8 tập trung tại khu vực vỉa hè đường T hô hào, kích động, quay video phát trực tiếp trên các nền tảng mạng xã hội. Ngoài các đối tượng trên còn có thêm Đỗ Duy Trung K, Vũ Văn C2, Trần Anh T10, Trần Hoa N, Phạm Văn L1 đến. Sau đó Trần Hoa N, Nguyễn Đức T9, Nguyễn Đức A3 giơ lên băng rôn có in khẩu hiệu với nội dung phản ánh việc cưỡng chế thu hồi đất là sai và tố cáo ông Lê Văn C3 - Phó Chủ tịch UBND huyện A. T8 chỉ đạo cho M và một nam giới (chưa rõ lai lịch) cầm 02 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của 02 thửa đất bị cưỡng chế giơ lên rồi trực tiếp đứng nói, phản ánh việc cưỡng chế và tố cáo ông P Chủ tịch UBND huyện A. Phạm Văn B, Đào Duy Q, Phạm Văn L1 cùng đồng thanh hô hào, hưởng ứng để Phan Hoàng Đ1, Phạm Việt H2, Tô Minh T8, Đỗ Duy Trung K, Vũ Văn C2, Trần Quốc V1 quay phát trực tiếp và đăng tải lên các trang mạng xã hội Facebook và T11 với mục đích nhằm chia sẻ, kêu gọi sự ủng hộ, đồng tình của cộng đồng mạng. Đến khoảng 10 giờ cùng ngày, Phạm Thị Thu T1 bảo cả nhóm về và hẹn mọi người chiều đến khu vực đất bị cưỡng chế để tiếp tục quay video. Thời điểm các đối tượng đăng phát trên mạng xã hội có hàng trăm lượt xem, chia sẻ và bình luận tiêu cực về việc làm của Đoàn công tác.

Khoảng hơn 11 giờ cùng ngày, sau khi Đ3 công tác thực hiện xong việc cưỡng chế và thu hồi đất nêu trên, Công ty TNHH T13 đã hoàn thành công việc lắp đặt, dựng tường tôn bảo vệ để chống tái lấn chiếm sau cưỡng chế và bàn giao cho Ban quản lý dự án huyện A.

Khoảng 14 giờ cùng ngày, Phạm Thị Thu T1 cùng Phạm Việt H2, Nguyễn Văn M, Tô Minh T8, Phan Hoàng Đ1, Phạm Văn B đến khu vực đất bị thu hồi. B tiếp tục nhắn tin vào nhóm "Full House" bảo các đối tượng trong nhóm tập trung tại khu đất cưỡng chế. B cùng T8 đến Công an xã A gửi đơn khiếu nại về việc bị mất tài sản trên phần đất bị cưỡng chế. Thấy có hai xe máy xúc và một số công nhân của Công ty Cổ phần T14, Công ty B1 đang thi công, san lấp mặt bằng; lúc này có thêm Trần Quốc V1, Đỗ Duy Trung K, Trần Hoa N, Đào Duy Q, Phạm Văn L1, Vũ Văn C2, Nguyễn Đức T9, Trần Anh T10 và Nguyễn Đức A3 cùng đến. Nguyễn Văn M đã yêu cầu người điều khiển của hai xe máy xúc dừng lại, không được tiếp tục làm việc. Phạm Thị Thu T1, Phạm Văn B, Đào Duy Q, Trần Quốc V1, Phan Hoàng Đ1, Trần Hoa N, Nguyễn Văn M, Đỗ Duy Trung K cùng đi vào khu vực công trường; Phạm Thị Thu T1 có những lời nói phản ánh việc cưỡng chế và thu hồi đất là sai, tố cáo ông P Chủ tịch UBND huyện A đồng thời chỉ đạo mọi người trong nhóm phá dỡ tường tôn bảo vệ, nhổ cọc sắt cắm mốc giới tại công trường; Phan Hoàng Đ1, Trần Quốc V1 và Đào Duy Q đã có hành vi đập phá, đẩy đổ tường tôn bảo vệ. Nguyễn Văn M trực tiếp đi ra Cửa hàng vật liệu xây dựng "Trần Hoàn" để mua 04 đôi găng tay và mượn 01 búa của anh Trần Quốc H3 (trú tại thôn A, xã A) mang ra khu vực công trường, M đưa búa cho Trần Hoa N và đưa găng tay cho Nguyễn Đức A3, Đỗ Duy Trung K rồi cùng với Phạm Văn B chỉ đạo mọi người nhổ cọc sắt cắm mốc giới ở công trường. Trần Hoa N sử dụng búa và tay nhổ cọc sắt cắm mốc, Phan Hoàng Đ1, Đỗ Duy Trung K, Trần Quốc V1, Đào Duy Q sử dụng tay nhổ các cọc sắt cắm mốc mang vứt ra chỗ khác. Khi thấy ông Đinh Văn Q1 - Chủ tịch UBND xã A có mặt tại công trường thì nhóm của T1 hô hào cùng nhau vây xung quanh, Phạm Thị Thu T1 có lời lẽ chất vấn không đúng chuẩn mực đối với ông Đinh Văn Q1 và tiếp tục có những lời lẽ phản ánh việc UBND xã A và UBND huyện A làm sai các quy định trong việc cưỡng chế thu hồi đất, đồng thời bảo mọi người trong nhóm quay phát trực tiếp để kêu gọi thêm nhiều người ủng hộ. Phạm Văn B, Phan Hoàng Đ1, Trần Quốc V1 và một số người khác đã sử dụng điện thoại di động quay phát trực tiếp đưa lên các ứng dụng mạng xã hội Facebook và T11. Ông Đinh Văn Q1 đã đề nghị T1 và mọi người về trụ sở UBND xã A làm việc, không được gây mất trật tự, cản trở việc thi công nhưng nhóm của T1 không chấp hành mà tiếp tục hô hào, kích động nhiều người tụ tập, gây mất trật tự. Xét thấy tình hình an ninh trật tự bị ảnh hưởng nghiêm trọng, kéo dài trong nhiều giờ, Công an huyện A phối hợp với lực lượng Cảnh sát Cơ động - Công an thành phố H đã bắt giữ cả nhóm của T1 và yêu cầu những người khác trong nhóm của T1 về trụ sở UBND xã A để làm rõ hành vi vi phạm pháp luật. Sau khi về trụ sở làm việc, Phạm Văn B và Đào Duy Q có biểu hiện tâm thần nên Cơ quan điều tra đã ra Quyết định trưng cầu giám định pháp y tâm thần đối với B và Q.

Cơ quan điều tra thu giữ vật chứng và tài sản gồm: Thu giữ của Phạm Thị Thu T1 01 điện thoại nhãn hiệu iPhone có số IMEI1: 353650696868715; IMEI2: 353650697183072, 01 điện thoại nhãn hiệu iPhone có số IMEI1: 359237904402372; IMEI2: 359237904175135; Phạm Văn B 01 điện thoại nhãn hiệu IPHONE có số IMEI: 35536566216069, 01 điện thoại nhãn hiệu iPhone có số IMEI: 353897103102150; Nguyễn Văn M 01 điện thoại iPhone 8Plus màu xám; Trần Quốc V1 01 điện thoại iPhone Xsmax màu trắng; Phan Hoàng Đ1 01 xe mô tô Honda

BKS: 16P7 - 7340; 01 điện thoại nhãn hiệu iPhone 14 màu tím; Đỗ Duy Trung K 01 xe mô tô Honda, mang BKS: 15B2 - 203.28, 01 điện thoại iPhone 11 Pro màu xanh; Đào Duy Q 01 xe mô tô Honda BKS: 15B2 - 513.22; 01 điện thoại iPhone 12 Promax màu tím than và 01 điện thoại Nokia màu trắng đen; Trần Hoa N 01 điện thoại nhãn hiệu POCO màu xanh tím than, 01 xe mô tô Honda BKS: 15B2 - 441.41; Phạm Văn L1 01 xe mô tô Honda BKS: 15B3 - 380.13, 01 điện thoại iPhone 11 màu vàng, 01 iPhone 14 màu tím; Vũ Văn C2 01 xe mô tô Honda BKS: 15B3 - 328.38, 01 điện thoại iPhone 11 Promax màu vàng; Nguyễn Đức A3 01 xe mô tô Honda BKS: 15B3 - 654.99 cùng giấy tờ xe và Giấy phép lái xe mang tên Trần Anh H4, 01 điện thoại iPhone Xsmax màu trắng, 01 iPhone 14 Promax màu đen và 01 đôi găng tay bảo hộ màu trắng xanh; Phạm Việt H2 01 xe mô tô Yamaha BKS: 15L1 - 008.62, 01 điện thoại iPhone 12 Promax màu trắng; Tô Minh T8 01 điện thoại iPhone XS màu vàng; Trần Anh T10 01 điện thoại iPhone X màu đen, 01 xe mô tô Honda BKS 15B1 - 965.77; Nguyễn Đức T9 01 điện thoại iPhone 11 Promax màu trắng; anh Trần Quốc H3 01 chiếc búa kim loại cán gỗ.

Quá trình cưỡng chế thu hồi đất, bảo vệ chống tái lấn chiếm diện tích cưỡng chế, lực lượng chức năng đã tiến hành ghi hình diễn biến vụ việc. Các dữ liệu điện tử đã được trích xuất trong 01 USB, bàn giao cho Cơ quan điều tra.

Kết luận giám định pháp y tâm thần số 61/KLGĐ ngày 03/5/2024 của Trung tâm pháp y tâm thần khu vực miền núi phía Bắc đối với Phạm Văn B, kết luận: Phạm Văn B không bị bệnh Tâm thần. Tại thời điểm thực hiện hành vi Gây rối trật tự công cộng vào ngày 11/4/2024, Phạm Văn B không bị bệnh Tâm thần. Phạm Văn B đủ khả năng nhận thức và đủ khả năng điều khiển hành vi. Hiện tại (tại thời điểm giám định) Phạm Văn B không bị bệnh Tâm T12. Phạm Văn B đủ khả năng nhận thức và đủ khả năng điều khiển hành vi.

Kết luận giám định pháp y tâm thần số 62/KLGĐ ngày 03/5/2024 của Trung tâm pháp y tâm thần khu vực miền núi phía Bắc đối với Đào Duy Q, kết luận: Đào Duy Q không bị bệnh Tâm thần. Tại thời điểm thực hiện hành vi Gây rối trật tự công cộng vào ngày 11/4/2024, Đào Duy Q không bị bệnh Tâm thần. Đào Duy Q đủ khả năng nhận thức và đủ khả năng điều khiển hành vi. Hiện tại (tại thời điểm giám định) Đào Duy Q không bị bệnh Tâm T12. Đào Duy Q đủ khả năng nhận thức và đủ khả năng điều khiển hành vi.

Kết luận định giá tài sản số 22/KL-HĐĐG ngày 12/4/2024 của Hội đồng định giá tài sản tố tụng hình sự huyện A kết luận: 03 khung mỗi khung có kích thước 2,5x4m được làm bằng thép hộp mạ kẽm (20x5mm) dày 1,4mm, bịt tôn mạ màu dày 0,35mm, phần tôn bị dập biến dạng, có vết rách, chân khung bung bật mối hàn. Giá trị thiệt hại của tài sản nêu trên là 5.400.000 đồng.

Kết luận giám định số 2571/KL-KTHS ngày 30/8/2024 của Phòng K1 - Công an thành phố H kết luận: 06 tập tin có phần mở rộng "DAV" và 03 tập tin có phần mở rộng "MP4" tổng dung lượng 1,40GB được lưu trong USB nhãn hiệu SONY 16GB không có dấu hiệu bị cắt ghép, chỉnh sửa.

Tại Cơ quan điều tra các bị cáo: Đào Duy Q, Nguyễn Văn M, Trần Quốc V1, Phan Hoàng Đ1, Trần Hoa N và Đỗ Duy Trung K đã khai nhận việc Phạm Thị Thu

T1 đã lôi kéo, xúi giục các bị cáo tụ tập đông người, căng băng rôn khẩu hiệu, hô hào phản ánh sai sự thật về việc cưỡng chế rồi quay phát trực tiếp lên mạng xã hội và đập phá hàng rào bằng tôn, nhổ cọc sắt cắm mốc giới, xảy ra vào ngày 11/4/2024 như đã nêu ở trên. Riêng các bị cáo Phạm Thị Thu T1 và Phạm Văn B không thừa nhận hành vi phạm tội của mình.

Những người làm chứng: Nguyễn Đức A3, Phạm Văn L1, Phạm Việt H2, Vũ Văn C2, Nguyễn Đức T9, Trần Anh T10 và những người trực tiếp tham gia giải phóng mặt bằng trình bày diễn biến sự việc như đã nêu ở trên.

Ban quản lý dự án đầu tư huyện A trình bày: UBND huyện A giao Ban quản lý làm chủ đầu tư thực hiện nhiệm vụ giải phóng mặt bằng và chống tái lấn chiếm. Sau khi cưỡng chế thu hồi diện tích đất của hộ Phạm Thị Thu T1, trưa ngày 11/4/2024 Ban quản lý đã dựng hàng rào bằng tôn, cột sắt tại vị trí đất được cưỡng chế để chống tái lấn chiếm. Đến chiều cùng ngày thì hàng rào tôn này bị phá đổ, gây thiệt hại giá trị 5.400.000 đồng. Ban quản lý không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường thiệt hại số tiền này.

Với nội dung trên, tại Bản án hình sự sơ thẩm số 244/2024/HS-ST ngày 26/12/2024 của Tòa án nhân dân huyện An Dương (nay là quận A), thành phố Hải Phòng đã quyết định:

Căn cứ điểm b, c, d khoản 2 Điều 318; Điều 17, 38, 58 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Phạm Thị Thu T1.

Căn cứ điểm b, c khoản 2 Điều 318; Điều 17, 38, 58 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Phạm Văn B.

Căn cứ điểm b, c khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 17, 38, 58 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Đào Duy Q.

Căn cứ điểm b, c khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17, 38, 58 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo: Nguyễn Văn M, Trần Quốc V1, Phan Hoàng Đ1, Trần Hoa N và Đỗ Duy Trung K.

Tuyên bố các bị cáo: Phạm Thị Thu T1, Phạm Văn B, Đào Duy Q, Nguyễn Văn M, Trần Quốc V1, Phan Hoàng Đ1, Trần Hoa N và Đỗ Duy Trung K đồng phạm tội Gây rối trật tự công cộng.

Xử phạt bị cáo Phạm Thị Thu T1 42 (Bốn mươi hai) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giữ, ngày 11/4/2024.

Xử phạt bị cáo Phạm Văn B 39 (Ba mươi chín) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giam, ngày 03/5/2024.

Xử phạt bị cáo Đào Duy Q 39 (Ba mươi chín) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giam, ngày 03/5/2024.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn M 36 (Ba mươi sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giữ, ngày 11/4/2024.

Xử phạt bị cáo Trần Quốc V1 33 (Ba mươi ba) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giữ, ngày 11/4/2024.

Xử phạt bị cáo Phan Hoàng Đ1 30 (Ba mươi) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giữ, ngày 11/4/2024.

Xử phạt bị cáo Trần Hoa N 30 (Ba mươi) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giữ, ngày 11/4/2024.

Xử phạt bị cáo Đỗ Duy Trung K 30 (Ba mươi) tháng tù tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giữ, ngày 11/4/2024.

- Về xử lý vật chứng: Căn cứ khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự;

Tịch thu tiêu hủy 01 đôi găng tay bảo hộ màu xanh.

Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước: 01 điện thoại iPhone 12 Promax màu tím than thu giữ của bị cáo Q và 01 điện thoại nhãn hiệu POCO màu xanh tím than thu giữ của bị cáo N.

Trả lại: Bị cáo T1 01 điện thoại nhãn hiệu iPhone có số IMEI1: 353650696868715; IMEI2: 353650697183072 và 01 điện thoại nhãn hiệu iPhone có số IMEI1: 359237904402372; IMEI2: 359237904175135; bị cáo B 01 điện thoại nhãn hiệu iPhone có số IMEI: 35536566216069 và 01 điện thoại nhãn hiệu iPhone có số IMEI: 353897103102150; bị cáo M 01 điện thoại iPhone 8Plus màu xám; bị cáo V1 01 điện thoại iPhone Xsmax màu trắng; bị cáo Đ1 01 điện thoại nhãn hiệu iPhone 14 màu tím; bị cáo Q 01 điện thoại Nokia màu trắng đen; bị cáo K 01 điện thoại iPhone 11 Pro màu xanh và 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda, BKS: 15B2 - 203.28.

Ngoài ra Bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các bị cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, các bị cáo Phạm Thị Thu T1, Phạm Văn B và Đào Duy Q có Đơn kháng cáo kêu oan. Các bị cáo: Nguyễn Văn M, Trần Hoa N và Đỗ Duy Trung K kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Người bào chữa cho các bị cáo T1, B và Q trình bày bài bào chữa với nội dung: Xuất phát từ việc chính quyền hứa hẹn nhưng không thực hiện trong việc thu hồi đất nên bị cáo T1 đã có thái độ bức xúc và cùng các bị cáo khác trong vụ án đã có những hành vi thực hiện vào ngày 11/4/2024 với mục đích để bảo vệ tài sản chính đáng của mình. Bị cáo T1 hoàn toàn không có hành vi gây rối, xúi giục người khác phạm tội và hành vi phá phách. Hành vi của bị cáo T1 và các bị cáo khác diễn ra trên vỉa hè nên không gây cản trở giao thông cũng như hoạt động của cơ quan Nhà nước, nên không đủ căn cứ để truy tố bị cáo T1 theo điểm b, c, d khoản 2 Điều 318 Bộ luật Hình sự. Nội dung Cáo trạng chỉ mang tính chất suy diễn, vi phạm nguyên tắc suy đoán vô tội. T1 bị thiệt hại nhưng Cơ quan tiến hành tố tụng bỏ lọt tội xâm phạm chỗ ở của người khác, Trộm cắp tài sản và Hủy hoại tài sản. Bị cáo B và Q không có hành vi gây rối trật tự công cộng, hai bị cáo này đang trong thời gian chữa bệnh tâm thần nhưng đã bị Cơ quan điều tra đưa đi giám định và bị bắt tạm giam. Hành vi này đã xâm phạm đến quyền con người, xâm phạm nghiêm trọng hoạt động tư pháp và cần xem xét lại tiểu sử bệnh tình của hai bị cáo, để đưa đi giám định lại. Kết luận định giá tài sản của Hội định giá là hoàn toàn không có căn cứ, cần xem xét lại.

Do vậy đề nghị Hội đồng xét xử huỷ Bản án sơ thẩm, tuyên các bị cáo T1, B và Q không phạm tội và trả tự do cho các bị cáo tại phiên tòa. Đề nghị xem xét bị cáo M là người cao tuổi, tham gia với vai trò giúp sức nên xem xét giảm nhẹ cho bị cáo M cũng như các bị cáo còn lại.

Quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên tại phiên tòa phúc thẩm: Bản án sơ thẩm xét xử bị cáo Phạm Thị Thu T1 về tội "Gây rối trật tự công cộng", theo điểm b, c, d khoản 2 Điều 318 Bộ luật Hình sự, các bị cáo Phạm Văn B, Đào Duy Q, Nguyễn Văn M, Trần Quốc V1, Phan Hoàng Đ1, Trần Hoa N và Đỗ Duy Trung K về tội "Gây rối trật tự công cộng", theo điểm b, c khoản 2 Điều 318 Bộ luật Hình sự là có căn cứ và đúng pháp luật.

Xét kháng cáo của các bị cáo T1, B, Q, M, N và K: Tòa án cấp sơ thẩm đã căn cứ vào tính chất, mức độ của hành vi phạm tội, đánh giá về các tình tiết tang nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của các bị cáo để xử phạt mức hình phạt đối với các bị cáo như nội dung Bản án hình sự sơ thẩm số 244/2024/HS-ST ngày 26/12/2024 của Tòa án nhân dân quận An Dương là có căn cứ và đúng pháp luật.

Đối với các Đơn kêu oan và tố cáo khẩn cấp do bà Nguyễn Thị Bạch Y (mẹ đẻ của bị cáo T1) giao nộp trước khi mở phiên toà phúc thẩm chỉ là những lời trình bày của bà Y, không có căn cứ và ngoài ra không có tài liệu, chứng cứ chứng minh nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Tại giai đoạn phúc thẩm, các bị cáo không có tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nào mới. Vì vậy, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật tố tụng Hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo và giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

Về án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo M là người cao tuổi nên đề nghị miễn án phí hình sự phúc thẩm cho bị cáo theo quy định của pháp luật. Các bị cáo: T1, B, Q, N và K phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Về tố tụng:

[1] Ngày 26/12/2024 Tòa án nhân dân huyện An Dương (nay là quận A), thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm vụ án; tại phiên tòa các bị cáo đều có mặt. Sau khi xét xử sơ thẩm các bị cáo T1, B, Q, M, N và K có đơn kháng cáo trong thời hạn kháng cáo theo quy định tại khoản 1 Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện A, Điều tra viên, Viện Kiểm sát nhân dân huyện An Dương và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa sơ thẩm các bị cáo và những người tham gia tố tụng không có ý kiến hay khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

[3] Tại giai đoạn chuẩn bị xét xử phúc thẩm bà Nguyễn Thị Bạch Y (mẹ đẻ của bị cáo T1) đã nhiều lần gửi "Đơn kêu oan và tố cáo khẩn cấp" đến các cơ quan

tiến hành tố tụng Trung ương và địa phương, cho rằng: Cơ quan điều tra - Công an quận A và Viện Kiểm sát nhân dân quận A đã có những vi phạm trong hoạt động tố tụng hình sự và việc xét xử sơ thẩm của Toà án nhân dân quận An Dương là không khách quan, chính xác và không có căn cứ. Tuy nhiên bà Y không giao nộp được tài liệu, chứng cứ để chứng minh nội dung trình bày trên là có căn cứ.

[4] Xét thấy các tài liệu chứng cứ do Cơ quan điều tra Công an quận A thu thập có trong hồ sơ vụ án và các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp, đảm bảo tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Về tội danh và các tình tiết định khung hình phạt:

[5] Về tội danh: Ngày 11/4/2024 Đoàn công tác của UBND huyện A thực hiện nhiệm vụ cưỡng chế thu hồi 97m^2 đất tại các thửa đất số 07 và 08, tờ bản đồ số 15, xã A của hộ Phạm Thị Thu T1 để thi công xây dựng nút giao khác mức tại đường T - Máng nước - Quốc lộ E, thuộc xã A, huyện A; do không đồng ý nên bị cáo Phạm Thị Thu T1 đã có hành vi lôi kéo, xúi giục các bị cáo Phạm Văn B, Đào Duy Q, Nguyễn Văn M, Trần Hoa N, Phan Hoàng Đ1, Trần Quốc V1, Đỗ Duy Trung K và một số đối tượng khác tập trung đông người, căng băng rôn có nội dung phản ánh không đúng sự thật về việc cưỡng chế, dùng điện thoại di động quay phát trực tiếp đăng tải lên các trang mạng xã hội như Facebook và T11 nhằm mục đích hô hào, lôi kéo sự ủng hộ của nhiều người để phản đối cưỡng chế thu hồi đất. Sau khi thực hiện xong việc cưỡng chế, Đoàn công tác đã tiến hành việc dựng hàng rào, quây tôn để chống tái lấn chiếm tại khu vực đất đã được cưỡng chế. Đến buổi chiều cùng ngày các bị cáo đã tiếp tục tập trung tại khu vực đất đã bị cưỡng chế, dùng điện thoại di động của cá nhân để quay video clip phát và đăng tải trực tiếp trên các trang mạng xã hội có nội dung phản đối việc cưỡng chế thu hồi đất. Bị cáo T1 đã có những lời nói mang nội dung hô hào, chỉ đạo các bị cáo Phan Hoàng Đ1, Trần Quốc V1 và Đào Duy Q đẩy đổ hàng rào tôn; bị cáo Nguyễn Văn M đã có hành vi yêu cầu các công nhân lái máy xúc đang làm việc tại công trường phải dừng thi công. Sau đó, trực tiếp bị cáo M là người đi mua găng tay, mượn búa mang về để đưa cho Trần Hoa N, Đỗ Duy Trung K và cùng Phạm Văn B chỉ đạo các đối tượng nhổ các cọc sắt đã được Ban quản lý dự án cắm mốc giới, mang vứt ra chỗ khác. Tổng giá trị thiệt hại của hàng rào tôn bị các bị cáo đập phá và làm hư hỏng qua định giá đã kết luận là 5.400.000 đồng.

[6] Hành vi của các bị cáo được thực hiện ngay tại nút giao thông có mật độ đông người qua lại, gây mất trật tự trị an, ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội tại địa phương. Ủy ban nhân dân xã A đã có văn bản đề nghị xử lý nghiêm đối với hành vi gây mất trật tự trị an của các bị cáo. Do vậy, hành vi của các bị cáo đã đồng phạm tội "Gây rối trật tự công cộng" được quy định tại Điều 318 Bộ luật Hình sự.

[7] Tính chất vụ án là nghiêm trọng, hành vi phạm tội của các bị cáo đã xâm phạm trực tiếp đến các quy định của Nhà nước về trật tự an toàn nơi công cộng, gây mất trật tự trị an tại khu địa phương nơi xảy ra sự việc. Do vậy, hành vi của các bị cáo cần phải được xử lý nghiêm theo quy định của pháp luật để giáo dục các bị cáo và đấu tranh phòng ngừa chung.

[8] Về tính tiết định khung hình phạt: Tại phiên toà, các bị cáo T1, B và Q đều kêu oan, không thừa nhận hành vi phạm tội của mình. Tuy nhiên, căn cứ vào lời khai của bị cáo M (bút lục 573): "T1 bảo tôi đi mượn búa và mua găng tay để nhổ các cọc đó lên"; lời khai của bị cáo V1 (bút lục 543, 544) đều khẳng định khoảng 08 giờ ngày 11/4/2024 T1 bảo V1 đến quay video clip cho T1; lời khai của bị cáo Đ1 (bút lục 442, 443, 444) khẳng định T1 bảo Đ1 dọn dẹp, dỡ tôn ... và bảo "ai live stream quay chị đi" và bảo Đ1 có mặt để đăng phát trực tiếp. Các lời khai của Nguyễn Đức A3 (bút lục 674, 675) khẳng định B là người lập nhóm "Full house" và B là người đưa Đức A3 vào nhóm "Full house". Từ những căn cứ phân tích nêu trên đủ căn cứ khẳng định bị cáo T1 đã có hành vi lôi kéo những người khác tham gia vào sự việc xảy ra vào ngày 11/4/2024 tại khu vực đất bị cưỡng chế. Mặt khác, trong biên bản ghi lời khai bị cáo T1 khai đã nhờ bị cáo B và B đã có hành vi lập nhóm "Full house" để đưa Đức A3, K và những người khác vào nhóm để tham gia cùng T1 phản đối việc cưỡng chế. Do đó bị cáo B đã đồng phạm với T1 với vai trò giúp sức, đồng thời phải chịu trách nhiệm đối với những hành vi của bị cáo Q và các bị cáo khác về hành vi đẩy đổ hàng rào quây tôn chống tái lấn chiếm tại khu vực đất đã cưỡng chế; bị cáo Nguyễn Văn M là người trực tiếp có hành vi yêu cầu các công nhân lái máy xúc đang làm việc tại công trường dừng thi công nên hành vi của các bị cáo thuộc trường hợp "*…có hành vi phá phách*" và "*…gây đình trệ hoạt động công cộng"*, vi phạm điểm b, c khoản 2 Điều 318 Bộ luật Hình sự. Bị cáo T1 mặc dù biết rõ các bị cáo khác không có quyền lợi liên quan đến việc cưỡng chế thu hồi đất nhưng vì mục đích cá nhân nên đã có hành vi hô hào, kích động, lôi kéo các bị cáo trong vụ án tập trung đông người và thực hiện hành vi phạm tội nên bị cáo T1 phải chịu thêm tình tiết định khung hình phạt *"xúi giục người khác gây rối*", theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 318 Bộ luật Hình sự.

[9] Do vậy, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo Phạm Thị Thu T1 cùng các đồng phạm về tội "Gây rối trật tự công cộng", theo điểm b, c (áp dụng thêm điểm d đối với bị cáo T1) khoản 2 Điều 318 của Bộ luật Hình sự là đúng với hành vi của các bị cáo, đúng quy định của pháp luật và không oan. Sau khi xét xử sơ thẩm, các bị cáo T1, B và Q có đơn kháng cáo kêu oan; các bị cáo M, N và K không kháng cáo về tội danh, mà chỉ kháng cáo xin giảm nhẹ về hình phạt.

- *Xét kháng cáo của các bị cáo:*

[10] Về tội danh: Các bị cáo T1, B và Q không thừa nhận hành vi phạm tội của mình. Tuy nhiên, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, đủ cơ sở để xác định các bị cáo đã thực hiện hành vi phạm tội như nội dung Cáo trạng của Viện Kiểm sát nhân dân quận An Dương và Bản án sơ thẩm của Toà án nhân dân quận An Dương và phân tích tại các mục [5], [6] và [8] của Bản án.

[11] Đánh giá về vai trò của các bị cáo: Trong vụ án, bị cáo T1 giữ vai trò chính, bị cáo là người đã lôi kéo, xúi giục, kích động các bị cáo còn lại thực hiện hành vi phạm tội. Bị cáo B là người có hành vi nhắn tin thông báo thời gian địa điểm trên nhóm "Full house" để thông báo cho các bị cáo khác đến khu đất bị cưỡng chế để thực hiện hành vi gây rối trật tự công cộng; bị cáo M là người yêu cầu các công nhân lái máy xúc dừng việc thi công, trực tiếp đi mua găng tay, mượn búa mang về cho cả nhóm và cùng B chỉ đạo các bị cáo khác nhổ cọc sắt của hàng rào tôn nên vai

trò của bị cáo B và bị cáo M là ngang nhau và thấp hơn so với bị cáo T1. Các bị cáo còn lại là người thực hiện tích cực và có vai trò ngang nhau, thấp nhất trong vụ án.

- *Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của các bị cáo:*

[12] Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo Q nhân thân đã có tiền án, chưa được xoá án tích (Bản án số 136/HSST ngày 30/8/2016 Toà án nhân dân quận Lê Chân xử phạt 10 năm tù về tội Cướp tài sản) nên lần phạm tội này bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng *"tái phạm"*, quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Các bị cáo còn lại đều không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[13] Về tình tiết giảm nhẹ: Các bị cáo M, N, K trong quá trình điều tra và tại phiên tòa đã khai nhận hành vi phạm tội, nên xem xét cho các bị cáo này được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự *"thành khẩn khai báo"* theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo T1 và B không có tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điều 51 Bộ luật Hình sự. Đối với bị cáo Q tại giai đoạn điều tra và tại phiên toà sơ thẩm bị cáo thành khẩn khai báo về hành vi của mình. Tuy nhiên đến phiên toà phúc thẩm bị cáo thay đổi lời khai, thay đổi nội dung kháng cáo kêu oan và không thừa nhận hành vi của mình nên không được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự *"thành khẩn khai báo"* theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[14] Về nhân thân: Bị cáo B đã có tiền án đã được xoá án (Bản án số 27/HSST ngày 01/4/2015 Toà án nhân dân quận Ngô Quyền xử phạt 04 năm tù về tội Cố ý gây thương tích) và bị cáo Q đã có tiền án đã được xoá án (Bản án số 181/HSST ngày 03/9/2008 Toà án nhân dân quận Lê Chân xử phạt 24 tháng tù về tội Gây rối trật tự công cộng). Cho thấy các bị cáo B và Q đều có nhân thân xấu. Các bị cáo còn lại nhân thân đều chưa có tiền án, tiền sự.

[15] Tòa án cấp sơ thẩm đã căn cứ vào vai trò, tính chất, mức độ của hành vi phạm tội, cũng như các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của các bị cáo để xử phạt các bị cáo về tội danh, điều luật áp dụng và mức hình phạt như Bản án hình sự sơ thẩm là chính xác, thỏa đáng, không nặng.

[16] Tại phiên toà phúc thẩm, các bị cáo cũng như người bào chữa cho các bị cáo không giao nộp thêm được tài liệu, chứng cứ gì khác; các bị cáo cũng không có thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nào mới. Vì vậy, Hội đồng xét xử thấy không có đủ cơ sở để chấp nhận kháng cáo của các bị cáo T1, B, Q, M và giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

[17] Đối với bị cáo K và bị cáo N tại phiên toà phúc thẩm có thái độ khai báo thành khẩn, nhận thức rõ hành vi vi phạm của mình nên cần xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo để thể hiện sự khoan hồng của pháp luật. Cần chấp nhận kháng cáo của bị cáo N và bị cáo K để sửa Bản án sơ thẩm.

[18] Đối với quan điểm của luật sư Nguyễn Tuấn A2 cho rằng cần phải đưa bị cáo B và bị cáo Q đi giám định lại về pháp y tâm thần là không có căn cứ để chấp nhận, bởi lẽ: Tại Kết luận giám định pháp y tâm thần số 62/KLGĐ ngày 03/5/2024 đối với Đào Duy Q và Kết luận giám định pháp y tâm thần số 61/KLGĐ ngày

03/5/2024 đối với Phạm Văn B của Trung tâm pháp y tâm thần khu vực miền núi phía Bắc đã kết luận: Các bị cáo Q và B không bị bệnh Tâm thần. Tại thời điểm thực hiện hành vi Gây rối trật tự công cộng vào ngày 11/4/2024 bị cáo Q và bị cáo B không bị bệnh Tâm T12. Các bị cáo đủ khả năng nhận thức và đủ khả năng điều khiển hành vi. Hiện tại (tại thời điểm giám định) bị cáo B và bị cáo Q không bị bệnh Tâm T12 và đủ khả năng nhận thức và đủ khả năng điều khiển hành vi.

[19] Đối với quan điểm của luật sư nêu Kết luận định giá tài sản của Hội định giá là hoàn toàn không có căn cứ, cần xem xét lại là không có căn cứ để chấp nhận, bởi lẽ: Kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự số 22/KL-HĐĐG ngày 12/4/2024 của Hội đồng định giá tài sản tố tụng hình sự huyện A được thực hiện hoàn toàn tuân thủ các quy định của pháp luật tố tụng hình sự và phù hợp với thực tế giá trị thiệt hại xảy ra, được mô tả chi tiết và có các hình ảnh được ghi lại tại hiện trường nơi xảy ra vụ việc.

[20] Đối với nội dung các "Đơn kêu oan và tố cáo khẩn cấp" của bà Nguyễn Thị Bạch Y (mẹ đẻ của bị cáo T1), cho rằng: Cơ quan điều tra - Công an quận A và Viện Kiểm sát nhân dân quận A đã có những vi phạm trong hoạt động tố tụng hình sự và việc xét xử sơ thẩm của Toà án nhân dân quận An Dương là không khách quan, chính xác và không có căn cứ. Xét thấy bà Y không phải là người trực tiếp chứng kiến sự việc phạm tội của các bị cáo xảy ra vào ngày 11/4/2024; bà Y cũng phải là người tham gia tố tụng trong vụ án và ngoài lời trình bày thì bà Y cũng không giao nộp được bất cứ tài liệu, chứng cứ nào để chứng minh nội dung trình bày trên là có căn cứ nên không có căn cứ để xem xét, giải quyết đối với các "Đơn kêu oan và tố cáo khẩn cấp" của bà Y.

[21] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[22] Về án phí hình sự phúc thẩm: Căn cứ khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm đ khoản 1 Điều 12; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH về án phí, lệ phí Tòa án:

Do kháng cáo được chấp nhận nên các bị cáo Trần Hoa N và Đỗ Duy Trung K không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Do kháng cáo không được chấp nhận nên các bị cáo Phạm Thị Thu T1, Phạm Văn B và Đào Duy Q phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Bị cáo M là người cao tuổi nên được miễn án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a, b khoản 1 Điều 355, Điều 356 và điểm c khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo: Phạm Thị Thu T1, Phạm Văn B, Đào Duy Q và Nguyễn Văn M; giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

Chấp nhận kháng cáo của các bị cáo: Trần Hoa N và Đỗ Duy Trung K; sửa Bản án sơ thẩm.

Căn cứ điểm b, c, d khoản 2 Điều 318; Điều 17, Điều 38 và Điều 58 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Phạm Thị Thu T1.

Căn cứ điểm b, c khoản 2 Điều 318; Điều 17, Điều 38 và Điều 58 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Phạm Văn B.

Căn cứ điểm b, c khoản 2 Điều 318; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 17, Điều 38 và Điều 58 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Đào Duy Q.

Căn cứ điểm b, c khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17, Điều 38 và Điều 58 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo: Nguyễn Văn M, Trần Hoa N và Đỗ Duy Trung K.

Tuyên bố các bị cáo: Phạm Thị Thu T1, Phạm Văn B, Đào Duy Q, Nguyễn Văn M, Trần Hoa N và Đỗ Duy Trung K đồng phạm tội Gây rối trật tự công cộng.

Xử phạt bị cáo Phạm Thị Thu T1 42 (Bốn mươi hai) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ, ngày 11/4/2024.

Xử phạt bị cáo Phạm Văn B 39 (Ba mươi chín) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giam, ngày 03/5/2024.

Xử phạt bị cáo Đào Duy Q 39 (Ba mươi chín) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giam, ngày 03/5/2024.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn M 36 (Ba mươi sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ, ngày 11/4/2024.

Xử phạt bị cáo Trần Hoa N 27 (Hai mươi bảy) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ, ngày 11/4/2024.

Xử phạt bị cáo Đỗ Duy Trung K 27 (Hai mươi bảy) tháng tù tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ, ngày 11/4/2024.

Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm đ khoản 1 Điều 12; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH về án phí, lệ phí Tòa án;

Các bị cáo: Phạm Thị Thu T1, Đào Duy Q, Phạm Văn B mỗi bị cáo đều phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự phúc thẩm.

Các bị cáo Trần Hoa N và Đỗ Duy Trung K không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Miễn án phí hình sự phúc thẩm đối với bị cáo Nguyễn Văn M.

Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND TP Hải Phòng;
- VKSND quận An Dương;
- PV06 Công an thành phố Hải Phòng;
- PC10 Công an thành phố Hải Phòng;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- PC03 Công an thành phố Hải Phòng;
- Chi cục THADS quận An Dương;
- Sở Tư pháp thành phố Hải Phòng;
- TAND quận An Dương;
- Phòng KTNV và THA;
- Bị cáo và người tham gia tố tụng khác;
- Lưu: Hồ sơ, HCTP.

Nguyễn Quang Kiên